

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 22-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Phiến.
- Ông Hoàng Ngọc Sông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T; địa chỉ: Số nhà x, đường L, tổ x, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Viên Thị V; địa chỉ: Số nhà x, phố H, tổ x, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (giấy ủy quyền ngày 04/9/2024); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Xuân H; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2024, lời khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Viên Thị V trình bày:

Ngày 26/6/2024, ông Đỗ Xuân H có vay của hai chị em bà Bùi Thị T và Bùi Thị S số tiền là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), khi vay ông H

có viết giấy nhận nợ ngày 26/6/2024, thỏa thuận lãi suất là 9%/năm, hạn đến ngày 26/7/2024 ông H sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Việc ký kết giấy nhận nợ có sự chứng kiến và xác nhận của bà Nguyễn Thị B là tổ trưởng. Sau đó, hai chị em bà T, bà S và ông H có thỏa thuận chuyển toàn bộ số nợ của ông H sang cho bà T nên ngày 27/6/2024, bà T và ông H đã đến Văn phòng công chứng H ký kết hợp đồng vay tiền, thỏa thuận lãi suất 0,82%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Quá hạn trả nợ, ông H không trả tiền gốc và lãi cho bà T theo đúng thỏa thuận; bà T đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện nhưng ông H khất lần không trả.

Do vậy, bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết: Buộc ông Đỗ Xuân H phải trả cho bà T số tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), tiền lãi trong hạn chưa trả là 10.126.000 đồng (Mười triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 04/9/2024 là 3.558.000 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 623.684.000 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2025, bà Bùi Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết: Buộc ông Đỗ Xuân H phải trả cho bà T số tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính theo mức 0.82%/tháng là 5.002.000 đồng (Năm triệu không trăm linh hai nghìn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử ngày 22/4/2025 theo mức lãi suất 9%/năm là 40.460.548 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 655.462.548 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 (bản chính văn bản công chứng), 01 Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024 (bản photocopy, Tòa án đã tiến hành đối chiếu với bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên ông Đỗ Xuân H vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tuy nhiên không nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, người đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T, buộc bị đơn Đỗ Xuân H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), số tiền lãi trong hạn 5.002.000 đồng (Năm triệu không trăm linh hai nghìn đồng), số tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử là 40.460.548 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng); tổng cộng cả gốc và lãi là 655.462.548 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng). Bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Bùi Thị T khởi kiện bị đơn ông Đỗ Xuân H về tranh chấp hợp đồng vay tiền. Do các bên đương sự đều không có đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 3 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì nơi thực hiện hợp đồng được xác định là nơi cư trú của nguyên đơn (bên cho vay) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Đỗ Xuân H không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền, nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ và chứng minh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đỗ Xuân H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Viên Thị V đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, các điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng thì: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”* Hợp đồng vay tiền giữa bà Bùi Thị T và ông Đỗ Xuân H được ký kết ngày 27/6/2024, thời hạn vay tiền là 01 tháng kể từ ngày 27/6/2024. Do đó, xác định thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tiền trong vụ án này vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết: Buộc ông Đỗ Xuân H phải trả cho bà T số tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), tiền lãi trong hạn chưa trả tính theo mức 0.82%/tháng là 5.002.000 đồng (Năm triệu không trăm linh hai nghìn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử ngày 22/4/2025 theo mức lãi suất 9%/năm là 40.460.548 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 655.462.548 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

[5] Nguyên đơn bà Bùi Thị T cung cấp 01 Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 được công chứng tại Văn phòng công chứng H tỉnh Hà Giang, thể hiện nội dung: Ông Đỗ Xuân H vay của bà Bùi Thị T số tiền mặt 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng); kỳ hạn vay là 01 (Một) tháng, kể từ thời điểm hợp đồng vay được công chứng viên ký và đóng dấu của Văn phòng công chứng H tỉnh Hà Giang; lãi suất vay là 0.82%/ 01 tháng, mục đích vay để tiêu dùng; địa điểm và phương thức giao tài sản vay do hai bên tự thỏa thuận thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật; khi giao nhận tiền vay hai bên phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên tham gia; địa điểm và phương thức trả nợ do hai bên tự lựa chọn thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định về quyền sở hữu đối với tài sản vay, việc nộp lệ phí công chứng, nghĩa vụ và quyền của các bên. Đồng thời, nguyên đơn cung cấp 01 Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024 (bản photocopy, Tòa án đã tiến hành đối chiếu với bản chính) thể hiện nội dung: Ông Đỗ Xuân H nhận nợ của bà Bùi Thị T và bà Bùi Thị S với tổng số tiền là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), lãi suất hàng tháng theo ngân hàng là 9,50%/năm, thời hạn là 30 ngày từ ngày 26/6 đến ngày 26/7/2024 thanh toán cả gốc và lãi theo thỏa thuận.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết; từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng bà Bùi Thị S là em gái của bà Bùi Thị T. Bà S xác nhận việc ông H vay tiền của bà T và bà S tổng số tiền là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) với mức lãi suất 9,50%/năm như Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024 mà bà T đã cung cấp cho Tòa án. Bà S xác nhận việc bà S đã chuyển giao toàn bộ quyền yêu cầu ông Đỗ Xuân H trả số nợ gốc 610.000.000 đồng và lãi theo Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024 cho bà T, chính vì thế bà T và ông H mới ký kết Hợp đồng vay tiền công chứng ngày 27/6/2024 tại Văn phòng công chứng H. Hiện nay, bà S không còn liên quan gì đến số nợ theo Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024, đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng và giải quyết vắng mặt bà. Bà S không có ý kiến, yêu cầu gì đối với bà Bùi Thị T và ông Đỗ Xuân H. Lời khai này của bà S phù hợp với lời khai của bà T, việc chuyển giao quyền yêu cầu giữa bà S và bà T

phù hợp với quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ để xác định ông Đỗ Xuân H đã nhận đủ số tiền 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng).

[8] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Xuân H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền đã ký kết. Căn cứ vào các chứng cứ là Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 được công chứng tại Văn phòng công chứng H, Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024 và quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T về việc buộc bị đơn ông Đỗ Xuân H phải trả cho bà T số tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng).

[9] Về tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024 và Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 có thỏa thuận mức lãi suất trong hạn khác nhau nhưng Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 được ký kết sau. Căn cứ Điều 421 Bộ luật Dân sự, các bên có thể thỏa thuận sửa đổi hợp đồng. Theo quy định này thì Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 được coi là hợp đồng sửa đổi, bổ sung của Giấy nhận nợ ngày 26/6/2024. Căn cứ vào các điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất 0.82%/tháng thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024 là phù hợp với quy định của pháp luật, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T, buộc ông Đỗ Xuân H phải trả cho bà T số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả tính theo mức lãi suất 0.82%/tháng là: $610.000.000 \text{ đồng} \times 0.82\%/\text{tháng} = 5.002.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu không trăm linh hai nghìn đồng).

[10] Về tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, tại Hợp đồng vay tiền số 1547 ngày 27/6/2024, các bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn trả chậm tại thời điểm trả nợ. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (hiện đang có hiệu lực) thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Đỗ Xuân H phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi suất 9%/năm, tương ứng với thời gian chậm trả tính kể từ ngày 28/7/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 22/4/2025, tổng cộng là 269 ngày, số tiền là: $610.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/năm/365 \text{ ngày} \times 269 \text{ ngày} = 40.460.548 \text{ đồng}$ (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

[11] Về tiền lãi chậm trả đối với khoản lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, do nguyên đơn bà Bùi Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn ông Đỗ Xuân H phải trả cho bà Bùi Thị T là: 655.462.548 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là 5.002.000 đồng (Năm triệu không trăm linh hai nghìn đồng), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến ngày 22/4/2025 là 40.460.548 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng).

[13] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[14] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[15] Về án phí: Căn cứ các điều 144 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 30.218.502 đồng (Ba mươi triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm linh hai đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.473.680 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000519 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

[16] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, các điều 91, 186, 227, 228, 238, 266, 144, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 117, 365, 401, 421, 429, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5, các điều 6 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T đối với bị đơn ông Đỗ Xuân H về việc tranh chấp hợp đồng vay tiền.

Buộc bị đơn ông Đỗ Xuân H có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn bà Bùi Thị T tổng số tiền là: **655.462.548 đồng** (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng), tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 5.002.000 đồng (Năm triệu không trăm linh hai nghìn đồng), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính đến ngày 22/4/2025 là 40.460.548 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn năm trăm bốn tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đỗ Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là **30.218.502 đồng** (Ba mươi triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm linh hai đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **14.473.680 đồng** (Mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000519 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương